TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2018/DS-ST
Ngày: 23-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm.

2. Ông Võ Hùng Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2018/QĐXXST–DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Phường X, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Thành D, sinh năm 1990. Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là đại diện theo ủy quyền. (văn bản ủy quyền ngày 03/5/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 67, Khu phố 10, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2018 và bản tự khai ngày 20/7/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 10/11/2010, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lê Thị Hồng P đã giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng; Loại thẻ: thẻ tín dụng quốc tế Sacombank visa; mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân; Biện pháp bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 104.824.627 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 99.262.000 đồng, thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ, do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên ngày 16/8/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà P để thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, nhưng bà P không thực hiện.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Hồng P thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 15/01/2018 là 74.822.502 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 27.351.561 đồng và tiền lãi quá hạn là 47.470.941 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/01/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tống đạt được các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập) cho bị đơn bà Lê Thị Hồng P do bà P không có mặt tại địa chỉ trên. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an phường Phú Cường ngày 27/6/2018 xác định bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Tổ 67, Khu phố 10, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, hiện bà P không còn sinh sống tại địa phương. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ nhưng vẫn không tham

gia phiên tòa là không chấp hành đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị Hồng P nhưng bà P vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng mà không có lý do xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/11/2010 được ký kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng TMCP S và bà Lê Thị Hồng P là phù hợp quy định pháp luật về chủ thể giao kết hợp đồng. Viện dẫn nội dung cam kết tại Giấy đề nghị nêu trên thì việc bà P đồng ý ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng xác nhận rằng bà đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S nên đây được xem là hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa đơn vị phát hành thẻ và người được cấp hạn mức tín dụng. Về nội dung, hai bên tự nguyện giao kết hợp đồng, thỏa thuận hạn mức cấp tín dụng, lãi, các loại phí liên quan đến thẻ tín dụng phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[3] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/11/2010 và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng thể hiện Ngân hàng đã cấp cho bà P 01 thẻ tín dụng Sacombank Visa, cụ thể như sau: Hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng; Loại thẻ: thẻ tín dụng quốc tế Sacombank visa; mục đích sử dụng: tiêu dùng cá nhân; Lãi suất: theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ; Các loại phí: theo quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ; Biện pháp bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm.

[4] Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch từ ngày 15/11/2010 đến 15/8/2013 với tổng số tiền là 104.824.451 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng 99.262.000 đồng nợ gốc, lãi và các khoản phí phát sinh đến ngày 15/8/2018 theo như thỏa thuận đã giao kết. Tuy nhiên, kể từ ngày 16/8/2013, bà P đã không tiếp tục thực hiện việc thanh toán nên ngày 16/8/2013, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[5] Như vậy, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 2, Điều 23 và Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà P phải thanh toán khoản nợ của thẻ tín dụng Sacombank Visa kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán 16/8/2013 đến 15/01/2018 là 74.822.502 đồng, trong đó, nợ gốc là 27.351.561 đồng, nợ lãi quá hạn 47.470.941 đồng (được tính theo mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn là 2,15%/tháng trên số nợ gốc tính từ 16/8/2013 đến 15/01/2018) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự và Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Do các bên đã thỏa thuận về lãi suất và các loại phí phù hợp quy định pháp luật nên tiền lãi, các khoản phí phát sinh đối với thẻ tín dụng Sacombank Visa được tiếp tục tính theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng đến khi bà Lê Thị Hồng P thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ nợ các thẻ tín dụng cho Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng P.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng P phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005; Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN, ngày 16/5/2008, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản đồng Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Lê Thị Hồng P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Lê Thị Hồng P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S dư nợ thẻ tín dụng Sacombank Visa tính đến hết ngày 15/01/2018 là 74.822.502 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc là 27.351.561 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn 47.470.941 đồng;

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 16/01/2018 đối với thẻ tín dụng Sacombank Visa theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng cho đến khi bà Lê Thị Hồng P thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Hồng P phải nộp số tiền 3.741.000 đồng. Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.870.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0021981 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Cơ quan THA Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duy Nhân